

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**  
**Quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ  
công ích thủy lợi năm 2019**

Thực hiện công văn số 11/TB-STC ngày 12/02/2020 của Sở Tài chính về việc kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019.

Hôm nay, ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại văn phòng Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản. Đoàn kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 của Sở Tài Chính và Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn tiến hành thông qua kết quả kiểm tra.

**\* THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA:**

**- Sở Tài chính:**

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| + Ông: Bùi Quang Vũ    | Phó trưởng phòng TCDN  |
| + Ông: Đặng Ngọc Hoàn  | Chuyên viên phòng TCDN |
| + Ông: Trần Trung Sinh | Chuyên viên phòng TCDN |
| + Bà: Nguyễn Diệu Hoa  | Chuyên viên phòng TCDN |

**- Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn:**

- |                        |                             |
|------------------------|-----------------------------|
| + Ông: Hà Thụy Sỹ      | Trưởng phòng - Chi cục TL   |
| + Ông: Nguyễn Văn Hiệu | Phó phòng Tài chính kế toán |
| + Bà: Hà Thị Mai Hương | Kiểm soát viên              |
| + Bà: Lại Thị Oanh     | Chuyên viên chi cục TL      |

**\* Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản:**

- |                         |                     |
|-------------------------|---------------------|
| + Ông: Nguyễn Hữu Ý     | Chủ tịch            |
| + Ông: Trần Đăng Lạp    | Giám đốc            |
| + Ông: Nguyễn Ngọc Hưng | Kế toán trưởng      |
| + Ông: Đinh Ngọc Trân   | Trưởng phòng QLN&CT |

- **Nội dung:** Kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019.

- **Thời gian kiểm tra:** Ngày 27/2/2020.



Căn cứ báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019; hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng tưới tiêu nước do đơn vị cung cấp, sau khi kiểm tra, xem xét. Kết quả như sau:

**A. Số liệu quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019.** (Có phụ biểu đính kèm)

**B. Nhận xét, kiến nghị:**

**1. Nhận xét:**

- Công ty đã thực hiện tưới tiêu cơ bản theo các chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Nam Định. Tổng diện tích tưới tiêu năm 2019 đơn vị phục vụ là: 28.447,27 ha, trong đó:

+ Diện tích lúa: 17.870,86 ha.

+ Diện tích Mạ, màu, cây vụ đông: 5.292,89 ha.

+ Diện tích Nuôi trồng thủy sản: 859,74 ha.

+ Diện tích tiêu thoát nước mặt: 4.423,78 ha.

- Biện pháp tưới: Thực hiện cơ bản theo Quyết định tỉnh giao.

- Qua kiểm tra, đơn vị đã cung cấp đầy đủ hợp đồng tưới tiêu và thanh lý hợp đồng tưới tiêu giữa công ty với các xã, HTX.

- Diện tích tưới tiêu thực tế năm 2019 đạt 96,51% so với kế hoạch giao, giảm 1.027,85 ha. Nguyên nhân chủ yếu là:

+ Giảm diện tích mạ, màu, cây công nghiệp, cây vụ đông giảm 882,22 ha do một số địa phương chuyển đất trồng sang trồng lúa, do hiến đất làm đường giao thông nông thôn, thu hồi đất làm khu dân cư tập trung, khu đô thị, giãn dân...

+ Giảm diện tích nuôi trồng thủy sản 383,32 ha do một số địa phương tận dụng nuôi trên mặt nước, thùng đào, chất đất chua phèn nên hiệu quả không cao; nhiều hộ gia đình đã cắt giảm, lấp ao để làm trang trại chăn nuôi.

- Diện tích tưới tiêu vụ mùa năm 2019 theo hợp đồng của công ty giảm 405,97 ha so với kế hoạch trong Quyết định của UBND tỉnh do trong quá trình thực hiện, công ty đã rà soát lại diện tích tưới tiêu và ký hợp đồng để sát với thực tế tại địa bàn huyện.

- Kinh phí quyết toán kiểm tra:

+ Kinh phí đã cấp là: 30.207.000 ngàn đồng. (Cấp theo dự toán năm 2019: 30.024.000 ngàn đồng, kinh phí thiếu năm 2018 chuyển sang là: 183.000 ngàn đồng)

+ Kinh phí được cấp là: 30.032.407 ngàn đồng (Kinh phí theo diện tích tưới tiêu Công ty đã thực hiện là: 35.413.701 ngàn đồng trừ phần tạo nguồn Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà thực hiện là: 5.381.294 ngàn đồng).

+ Số thiếu đề nghị cấp tiếp là: 8.407 ngàn đồng.

600  
C  
Đ  
T  
V  
N

## 2. Kiến nghị:

- Đề nghị công ty chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với HTX, các ngành chức năng của huyện tiến hành rà soát, xác định diện tích tưới tiêu do công ty phục vụ trên địa bàn đầy đủ kịp thời.

- Thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng các chế độ tài chính hiện hành.

## 3. Ý kiến Công ty TNHH một thành viên KTCTTL:

Nhất trí với kết luận của đoàn kiểm tra, những vấn đề còn tồn tại Công ty sẽ tiếp thu và hoàn thiện.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau: Công ty TNHH một thành viên KTCTTL. Vụ Bản giữ 01 bản, Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn giữ 01 bản, Sở Tài chính giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**      **SỞ TÀI CHÍNH**  
Chi cục TL      Kiểm soát viên

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**      **CHỦ TỊCH**

Hà Thụy Sỹ

Hà T. Mai Hương

Bùi Quang Vũ

Nguyễn Ngọc Hưng

Nguyễn Hữu Ý

**BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN ĐIỆN TÍCH KINH PHÍ  
SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2019**

Kiểm theo Biên bản kiểm tra Quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 tại Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản)

Nội dung	ĐVT	Số báo cáo		Chênh lệch giữa TH và KH	
		Kế hoạch	Thực hiện	Số lượng	Tỷ lệ (%)
B	C	1	2	3=2-1	4=3/1*100
Điện tích tưới tiêu	Ha	29.475,12	28.447,27	-1.027,85	-3,49
Vụ Chiếm	Ha	10.544,44	10.305,88	-238,56	-2,26
Điện tích lúa	Ha	8.625,89	8.897,73	271,84	3,15
Tưới tiêu bằng bơm điện	Ha	8.625,89	8.897,73	271,84	3,15
- Chủ động	Ha	8.625,89	8.897,73	271,84	
Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Ha				
- Chủ động	Ha				
Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Ha				
Mạ, màu, CCN, cây vụ đông	Ha	1.918,55	1.408,15	-510,40	-26,60
Tưới tiêu bằng bơm điện	Ha	1.918,55	1.408,15	-510,40	
- Chủ động	Ha	1.918,55	1.408,15	-510,40	
Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Ha				
- Chủ động	Ha				
Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Ha				
Vụ mùa	Ha	13.263,84	12.857,87	-405,97	-3,06
Điện tích lúa	Ha	9.007,28	8.973,13	-34,15	-0,38
Tưới tiêu bằng bơm điện	Ha	9.007,28	8.973,13	-34,15	
- Chủ động	Ha	9.007,28	8.973,13	-34,15	
Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Ha				
- Chủ động	Ha				
Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Ha				
Mạ, màu, CCN, cây vụ đông	Ha	4.256,56	3.884,74	-371,82	-8,74
Tưới tiêu bằng bơm điện	Ha	4.256,56	3.884,74	-371,82	
- Chủ động	Ha	4.256,56	3.884,74	-371,82	
Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Ha				
- Chủ động	Ha				

STT	Nội dung	ĐVT	Số báo cáo		Chênh lệch giữa TH và KH	
			Kế hoạch	Thực hiện	Số lượng	Tỷ lệ (%)
A	B	C	1	2	3=2-1	4=3/1*100
1	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Ha				
2	<b>Cây CNDN, cây ăn quả, hoa, dược liệu</b>	<b>Ha</b>				
	- Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha				
4	<b>Diện tích muối</b>	<b>Ha</b>				
5	<b>Diện tích thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>1.243,06</b>	<b>859,74</b>	<b>-383,32</b>	<b>-30,84</b>
	- Bơm điện	Ha	1.243,06	859,74	-383,32	-30,84
	- Ảnh hưởng thủy triều	Ha				
6	<b>Diện tích tiêu thoát nước mặt</b>	<b>Ha</b>	<b>4.423,78</b>	<b>4.423,78</b>		
	- Tưới tiêu bằng bơm điện	Ha	4.423,78	4.423,78		
	- Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Ha				
	- Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Ha				
7	<b>Kinh phí sử dụng SP, DV công ích TL</b>					
8	<b>Kinh phí theo diện tích tưới tiêu</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>36.561.617</b>	<b>35.413.701</b>		
9	Lúa	1.000 đ	29.024.198	29.415.436		
10	Mỹ, màu, CCN, cây vụ đông	1.000 đ	4.065.692	3.484.839		
11	Cây CNDN, cây ăn quả, hoa, dược liệu	1.000 đ				
12	Sản xuất muối	1.000 đ				
13	Nuôi trồng thủy sản	1.000 đ	3.107.650	2.149.350		
14	Tiêu thoát nước mặt	1.000 đ	364.077	364.077		
15	<b>Trà Công ty Bắc Nam Hà</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>5.381.294</b>	<b>5.381.294</b>		
	- Vụ chiêm	1.000 đ	2.644.286	2.644.286		
	- Vụ mùa	1.000 đ	2.737.008	2.737.008		
16	<b>Kinh phí được cấp</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>31.180.323</b>	<b>30.032.407</b>		
17	<b>Kinh phí đã cấp năm 2019</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>31.363.000</b>	<b>30.207.000</b>		
	- Cấp theo dự toán	1.000 đ	31.180.000	30.024.000		
	- Kinh phí thiếu năm 2018	1.000 đ	183.000	183.000		
18	<b>Kinh phí đã sử dụng</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>31.180.000</b>	<b>30.024.000</b>		
19	<b>Kinh phí cấp thiếu đề nghị bổ sung</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>323</b>	<b>8.407</b>		